

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

NGUYỄN ĐĂNG HẢI

QUẢN LÝ CÁC QUỸ TÀI CHÍNH NHÀ NƯỚC
NGOÀI NGÂN SÁCH Ở VIỆT NAM

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ

NGÀNH: QUẢN LÝ KINH TẾ

HÀ NỘI - NĂM 2025

**CÔNG TRÌNH ĐƯỢC HOÀN THÀNH TẠI
HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH**

Người hướng dẫn khoa học: PGS, TS. VŨ DUY NGUYỄN

TS. TRẦN QUANG PHÚ

Phản biện 1:

.....

Phản biện 2:

.....

Phản biện 3:

.....

Luận án được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án cấp Học viện

hợp tại Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Vào hồi giờ ngày tháng năm

Có thể tìm hiểu luận án tại:

- Thư viện Quốc gia
- Thư viện Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài nghiên cứu

Trong hệ thống tài chính công, có hai nhóm chính là Ngân sách nhà nước (NSNN) và các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách (TCNN ngoài NS). Quỹ TCNN ngoài NS được xem là một định chế tài chính do Nhà nước thành lập, hoạt động độc lập với NSNN nhằm huy động nguồn lực xã hội phục vụ cho các nhiệm vụ phát triển kinh tế – xã hội. Việc hình thành các quỹ này góp phần bổ sung nguồn lực cho khu vực công, hỗ trợ đầu tư vào những lĩnh vực cần khuyến khích, đồng thời cơ chế sử dụng linh hoạt hơn so với NSNN, giúp Nhà nước kịp thời ứng phó các yêu cầu cấp bách như ổn định giá cả, phòng chống dịch bệnh hay hỗ trợ các nhóm yếu thế.

Ở Việt Nam, hiện có trên 40 quỹ TCNN ngoài NS được thành lập, trong đó hơn 20 quỹ do Trung ương quản lý và được chia thành 5 nhóm theo mục tiêu hoạt động: (i) quỹ an sinh xã hội; (ii) quỹ hỗ trợ doanh nghiệp và sản xuất kinh doanh; (iii) quỹ thực hiện chính sách xã hội và phát triển cộng đồng; (iv) quỹ phát triển khoa học, công nghệ và bảo vệ môi trường; (v) quỹ dự phòng và tích lũy. Trong số này, 19 quỹ được hình thành trên cơ sở chủ trương phát triển kinh tế – xã hội của Đảng và Nhà nước, cụ thể hóa bằng luật; 3 quỹ được quy định trong nghị định của Chính phủ; 3 quỹ trong quyết định của Thủ tướng; 2 quỹ dựa trên văn bản chỉ đạo của Thủ tướng; và 1 quỹ thành lập theo nghị quyết liên tịch.

Nguồn lực từ các quỹ TCNN ngoài NS đóng vai trò quan trọng trong việc giúp Nhà nước thực hiện chức năng kinh tế. Mô hình tổ chức hoạt động quỹ có ba dạng: (1) hoạt động kiêm nhiệm do cơ quan nhà nước hoặc đơn vị có NSNN hỗ trợ quản lý; (2) hoạt động theo mô hình đơn vị sự nghiệp công lập; và (3) hoạt động theo mô hình chuyên biệt dưới dạng công ty TNHH một thành viên. Cơ chế tài chính và chế độ kế toán áp dụng khác nhau tùy từng loại quỹ.

Tuy nhiên, thực tiễn quản lý cho thấy còn tồn tại nhiều bất cập. Khung pháp lý về quản lý quỹ TCNN ngoài NS phân tán, phức tạp, chưa có văn bản pháp luật chung làm cơ sở thống nhất. Cơ cấu tổ chức và phương thức hoạt động giữa các quỹ thiếu đồng bộ; nhiều quỹ được quản lý trực tiếp bởi cán bộ của bộ, ngành hoặc liên bộ, gây khó khăn trong điều phối. Những hạn chế này làm giảm tính minh bạch trong quản lý tài chính công và ảnh hưởng đến hiệu quả sử dụng nguồn lực quốc gia.

Xuất phát từ thực tiễn nêu trên, việc nghiên cứu thực trạng quản lý các quỹ TCNN ngoài NS của Việt Nam hiện nay là cần thiết nhằm nhận diện hạn chế trong quản lý các quỹ này và nâng cao tính minh bạch về

quản lý tài chính công. Do đó, nghiên cứu sinh đã lựa chọn đề tài “***Quản lý các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách ở Việt Nam***” để nghiên cứu, từ đó đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện quản lý các quỹ này.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục đích nghiên cứu

Trên cơ sở phân tích tình hình quản lý các quỹ TCNN ngoài NS tại Việt Nam, luận án sẽ đề xuất giải pháp nhằm hoàn thiện việc quản lý các quỹ TCNN ngoài NS trong giai đoạn 2025 - 2030, định hướng tới 2035.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để đạt được các mục tiêu nghiên cứu trên, luận án cần thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu sau:

- Nghiên cứu của các công trình đã công bố có liên quan đến luận án để có thể kế thừa hoặc phát triển những kết quả đó. Đồng thời xác định khoảng trống và hướng nghiên cứu mà luận án cần tiếp tục nghiên cứu.
- Tổng hợp và khái quát hóa khung lý thuyết về quản lý các quỹ TCNN ngoài NS, trong đó xây dựng khái niệm và nội dung về quản lý các quỹ TCNN ngoài NS.
- Đánh giá thực trạng quản lý các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách ở Việt Nam.
- Đề xuất giải pháp, các chính sách hoàn thiện quản lý các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách ở Việt Nam.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận án là quản lý nhà nước đối với các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách ở Việt Nam.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

Phạm vi về nội dung: Luận án nghiên cứu về quản lý các quỹ TCNN ngoài NS trên ba nội dung cụ thể, bao gồm: (i) quản lý việc thành lập các quỹ TCNN ngoài NS; (ii) quản lý việc vận hành các quỹ TCNN ngoài NS; và (iii) quản lý việc rà soát, sắp xếp lại các quỹ TCNN ngoài NS.

Phạm vi về không gian: Nghiên cứu đối với các quỹ TCNN ngoài NS thuộc phạm vi quản lý của cấp chính quyền trung ương tại Việt Nam nhằm đảm bảo tính tập trung, tính khả thi về mặt thu thập dữ liệu. Đồng thời, nghiên cứu các quỹ TCNN ngoài NS ở cấp trung ương sẽ là cơ sở để mở rộng phạm vi đánh giá, tạo cơ sở đề xuất chính sách phù hợp ở cấp địa phương trong tương lai. Do hạn chế trong khả năng tiếp cận dữ liệu về các quỹ TCNN ngoài NS nên nghiên cứu sinh lựa chọn 21 quỹ do cấp chính quyền trung ương quản lý

Phạm vi về thời gian: Dữ liệu nghiên cứu được thu thập cho giai đoạn từ 2019 đến 2024. Các giải pháp đề xuất đến năm 2030; khảo sát số liệu sơ cấp tháng 2 năm 2025.

4. Phương pháp nghiên cứu

Luận án vận dụng phương pháp luận duy vật biện chứng và duy vật lịch sử để nghiên cứu các vấn đề trong trạng thái động, bảo đảm tính logic, toàn diện và gắn với thực tiễn. Trên cơ sở đó, tác giả sử dụng tổng hợp nhiều phương pháp nghiên cứu kinh tế, bao gồm: tổng hợp, phân tích định tính và định lượng, thống kê, so sánh, thu thập dữ liệu bằng điều tra khảo sát bảng hỏi và nghiên cứu tài liệu thứ cấp.

- Phương pháp tổng hợp: kế thừa có chọn lọc các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước để hình thành cơ sở lý luận về quản lý các quỹ TCNN ngoài NS.

- Phân tích định tính và định lượng: định tính được dùng để mô tả thực trạng hoạt động của các quỹ TCNN ngoài NS do Trung ương quản lý; định lượng được dùng để đánh giá mức độ tác động của các yếu tố quản lý thông qua mô hình nhân tố khám phá (EFA) và hồi quy tuyến tính.

- Thu thập dữ liệu: dữ liệu sơ cấp thu được từ khảo sát 186 cán bộ, công chức tại các quỹ TCNN ngoài NS, Bộ Tài chính và một số bộ, ngành; dữ liệu thứ cấp lấy từ báo cáo của Bộ Tài chính, Kho bạc Nhà nước và các cơ quan hữu quan.

Về cỡ mẫu, luận án tham khảo quan điểm của Hair và cộng sự, cho rằng EFA yêu cầu tối thiểu 50 quan sát, tốt hơn là 100, với tỷ lệ quan sát/biến đo lường 5:1; còn hồi quy tuyến tính thường áp dụng công thức $n \geq 50 + 5p$ (với p là số biến độc lập). Với 18 biến quan sát, số mẫu tối thiểu cần 140. Do vậy, việc thu thập 186 phiếu khảo sát đã đáp ứng đầy đủ yêu cầu của cả hai phương pháp EFA và hồi quy tuyến tính.

5. Đóng góp mới của luận án

5.1. Về mặt lý luận

Luận án đã hệ thống hóa và làm rõ hơn những vấn đề lý luận về quản lý các quỹ TCNN ngoài NS. Cụ thể, luận án đã tìm thấy điểm mới về mặt lý luận như sau:

Thứ nhất, chỉ rõ ba nội dung trọng tâm trong quản lý các quỹ TCNN ngoài NS bao gồm: (i) quản lý việc thành lập các quỹ TCNN ngoài NS; (ii) quản lý việc vận hành các quỹ TCNN ngoài NS; và (iii) quản lý việc rà soát, sắp xếp lại các quỹ TCNN ngoài NS sau khi tổng hợp và khái quát hóa khái niệm về quản lý các quỹ TCNN ngoài NS trên phương diện quản lý kinh tế.

Thứ hai, nghiên cứu phân tích, tổng hợp các yếu tố có ảnh hưởng tới quản lý các quỹ TCNN ngoài NS bao gồm: bộ máy lãnh đạo; minh bạch; năng lực tài chính quốc gia; đội ngũ cán bộ công chức; chính sách tài chính công của quốc gia và cơ sở hạ tầng CNTT.

5.2. Về mặt thực tiễn

Thứ nhất, luận án đã cập nhật chi tiết, cụ thể thực trạng quản lý các quỹ TCNN ngoài NS tại Việt Nam trong giai đoạn nghiên cứu.

Thứ hai, trong các yếu tố có ảnh hưởng tới quản lý các quỹ TCNN ngoài NS đã được đề cập trong mô hình lý thuyết, mức độ ảnh hưởng được xếp theo thứ tự từ mạnh đến yếu như sau: bộ máy lãnh đạo các quỹ TCNN ngoài NS; năng lực tài chính quốc gia; đội ngũ cán bộ, công chức quản lý quỹ TCNN ngoài NS; chính sách tài chính công của quốc gia và cơ sở hạ tầng CNTT trong quản lý quỹ TCNN ngoài NS.

Thứ ba, luận án đã đề xuất một số nhóm giải pháp để hoàn thiện quản lý các quỹ TCNN ngoài NS do cấp Trung ương quản lý cho giai đoạn 2025-2030, định hướng 2035.

6. Kết cấu của luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung luận án được kết cấu thành 4 chương, 13 tiết.

Chương 1

TỔNG QUAN CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU VỀ QUẢN LÝ CÁC QUỸ TÀI CHÍNH NHÀ NƯỚC NGOÀI NGÂN SÁCH

1.1. CÁC NGHIÊN CỨU VỀ CÁC QUỸ TÀI CHÍNH NHÀ NƯỚC NGOÀI NGÂN SÁCH

- *Các nghiên cứu về khái niệm, vai trò, tiêu chí phân loại quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách* gồm: Nghiên cứu của Joulfaian và Marlow [46], Dirk-Jan Kraan [48], Allen và Radev [41], [42], Petrie, Renzio và Moon [69], Bộ Kế hoạch và Đầu tư cùng USAID [2].

- *Các nghiên cứu về hoạt động của một số loại hình quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách*: Nghiên cứu về hoạt động của các quỹ an sinh xã hội: Veinbender [75], Nigmatullina và các cộng sự [67], Nguyễn Trọng Thản [33], Đỗ Văn Sinh [29]. Nghiên cứu về hoạt động của các quỹ TCNN ngoài NS có tính chất tín dụng gồm: Phạm Quang Trí [36], Dương Thị Phương Anh [1].

1.2. CÁC NGHIÊN CỨU VỀ QUẢN LÝ CÁC QUỸ TÀI CHÍNH NHÀ NƯỚC NGOÀI NGÂN SÁCH

- Các nghiên cứu về nội dung quản lý các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách gồm: Allen và Radev [42], Kwon [59], Phan Văn Dũng [11], Hoàng Thị Thúy Nguyệt và Lê Thị Mai Liên [26], Phạm Thị Hoàng Phương, Nguyễn Thùy Linh [28], Nguyễn Thùy Linh [24].

- Các nghiên cứu về các yếu tố ảnh hưởng tới quản lý quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách ở trong nước và ngoài nước còn chưa toàn diện. Dựa trên những nghiên cứu về khu vực công và quản lý tài chính công, một số yếu tố cơ bản ảnh hưởng tới quản lý các quỹ TCNN ngoài NS sẽ bao gồm: bộ máy lãnh đạo quỹ TCNN ngoài NS (Kendie [56]); chính sách tài chính công của quốc gia (Allen, Hemming & Potter [43]), đội ngũ cán bộ, công chức quản lý quỹ TCNN ngoài NSNN (Diamond và Khemani [47]), sự minh bạch trong quản lý quỹ TCNN ngoài NSNN (Natision và cộng sự [66]), cơ sở hạ tầng CNTT phục vụ quản lý TCNN ngoài NSNN (Karanja & Nganga [54]; Kimwele [57]) và nguồn lực tài chính của quốc gia (Kawesha & Kabwe [55]).

1.3. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU

Các công trình đã tập trung nghiên cứu các vấn đề như:

- Nghiên cứu tổng quát về khái niệm, đặc điểm, vai trò, cách phân loại các quỹ TCNN ngoài NS, các nhân tố ảnh hưởng đến phát triển các quỹ TCNN ngoài NS, quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

- Nghiên cứu kinh nghiệm của một số nước trong phát triển các quỹ TCNN ngoài NS.

- Đã đi sâu phân tích sự phát triển của các quỹ TCNN ngoài NS trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Các nghiên cứu đã được công bố đều thống nhất quan điểm cho rằng quỹ TCNN ngoài NS được thừa nhận ở nhiều quốc gia và đóng vai trò quan trọng trong việc giải quyết các vấn đề KT - XH nhờ tính linh hoạt và tự chủ phù hợp với nền kinh tế thị trường.

Tất cả các nghiên cứu đều thống nhất quan điểm rằng vấn đề quan trọng nhất là hình thành các quỹ TCNN ngoài NS phải dựa trên cơ sở các quy định của Nhà nước và phải phù hợp với tình hình phát triển KT - XH của đất nước trong từng thời kỳ.

Đồng thời, các nghiên cứu cũng chỉ ra rằng cần phải tăng cường và đổi mới hoạt động quản lý các quỹ TCNN ngoài NS đặc biệt trong bối cảnh cải cách khu vực công mạnh mẽ như hiện nay. Giải pháp căn cơ là phải sắp xếp và tổ chức lại các quỹ TCNN ngoài NS sao cho phù hợp với bối cảnh KT - XH, hoạt động hiệu quả và phản ánh đúng bản chất của sự tồn tại các quỹ TCNN ngoài NS trong nền kinh tế.

1.4. KHOẢNG TRỐNG NGHIÊN CỨU

- Nghiên cứu về quản lý các quỹ TCNN ngoài NS có ý nghĩa quan trọng trong quản lý tài chính công của quốc gia, đặc biệt trong bối cảnh số quỹ TCNN ngoài NS được hình thành với số lượng tương đối lớn ở Việt Nam nhưng chưa thực sự đem lại những thay đổi rõ nét, nhất quán với lý do hình thành quỹ. Nghiên cứu của Phan Văn Dũng [11], Nguyễn Trọng Nhân [33], Đỗ Văn Sinh [29], Phạm Quang Trí [36], Dương Thị Phương Anh [1] chủ yếu chỉ tập trung vào quản lý quá trình hoạt động của một loại hình quỹ TCNN ngoài NS. Bên cạnh đó, nghiên cứu của Nguyễn Thùy Linh [24] mới làm rõ một khía cạnh trong quản lý các quỹ TCNN ngoài NS đó là sắp xếp lại hoạt động của các quỹ này. Khác với các nghiên cứu trước đây, trong đó có nghiên cứu của Phan Văn Dũng [11], luận án sẽ tập trung xây dựng khung lý thuyết nhất quán về quản lý các quỹ TCNN ngoài NS với ba nội dung chính: (i) quản lý thành lập các quỹ TCNN ngoài NS; (ii) quản lý vận hành các quỹ TCNN ngoài NS và (iii) quản lý sắp xếp lại các quỹ TCNN ngoài NS.

- Các nghiên cứu trước đây chủ yếu tập trung vào lý do tồn tại của các quỹ TCNN ngoài NS cũng như vai trò của chúng trong quá trình quản lý công. Trong khi đó, các vấn đề quan trọng cần làm rõ với quản lý các quỹ TCNN ngoài NS như nguyên tắc quản lý, công cụ sử dụng để quản lý, mục tiêu quản lý và các yếu tố ảnh hưởng tới hoạt động này chưa được đề cập trọn vẹn trong tất cả các nghiên cứu đã tổng hợp ở trên. Những nội dung còn thiếu ấy sẽ được hệ thống hóa, phân tích chi tiết hơn trong luận án này.

Chương 2

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ QUẢN LÝ CÁC QUỸ TÀI CHÍNH NHÀ NƯỚC NGOÀI NGÂN SÁCH

2.1. KHÁI QUÁT VỀ QUỸ TÀI CHÍNH NHÀ NƯỚC NGOÀI NGÂN SÁCH

2.1.1. Khái niệm quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách

Qua các khái niệm và cách hiểu về quỹ TCNN ngoài NS, có thể hiểu quỹ TCNN ngoài NS như sau: *“Quỹ TCNN ngoài NS là tổ chức có tư cách pháp nhân, do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định thành lập, có nguồn thu theo quy định của pháp luật hoặc được NSNN cấp, với mục đích tập trung nguồn lực để đáp ứng một số nhiệm vụ chi được xác định theo chức năng nhất định”*.

2.1.2. Lý do tồn tại của các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách

Các quỹ TCNN ngoài NS được hình thành nhằm khắc phục những hạn

chế của quy trình quản lý NSNN và do sự tác động của một số yếu tố kinh tế - chính trị như sự không tương thích về thời gian, cơ chế phân bổ nguồn lực chưa toàn diện, các quy định chưa chặt chẽ về trách nhiệm giải trình và minh bạch.

2.1.3. Đặc điểm của quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách

Thứ nhất, chủ thể quyết định việc thành lập, tổ chức bộ máy quản lý, huy động nguồn vốn và sử dụng loại hình quỹ này là Nhà nước.

Thứ hai, nguồn vốn hình thành quỹ bao gồm hai nguồn chủ yếu đó là: một phần do NSNN, một phần huy động từ các nguồn tài chính nhân rồi (của các tổ chức KT - XH, dân cư) trong xã hội.

Thứ ba, các quỹ TCNN ngoài NS là một phần của tài chính công, được sử dụng vì lợi ích chung của toàn xã hội, không vì mục tiêu lợi nhuận, nhưng phải bảo đảm sự bảo toàn và phát triển nguồn vốn của các quỹ.

Thứ tư, cơ chế hoạt động linh hoạt hơn so với NSNN.

2.1.4. Vai trò của các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách

Thứ nhất, huy động và tập trung thêm được các nguồn lực tài chính nhằm góp phần thực hiện các mục tiêu phát triển KT - XH của cả nước cũng như ở từng địa phương.

Thứ hai, thúc đẩy quá trình xã hội hóa cung cấp các dịch vụ sự nghiệp công, góp phần nâng cao chất lượng dịch vụ, giảm bớt gánh nặng cho NSNN.

Thứ ba, góp phần cùng với Nhà nước thực hiện chủ động, có hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển KT - XH trước những biến động bất lợi của nền kinh tế trong và ngoài nước.

Thứ tư, thúc đẩy phát triển thị trường tài chính, đa dạng hóa các hoạt động TCNN.

Thứ năm, góp phần hoàn thiện, đa dạng hóa các chức năng của TCNN trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa trong từng thời kỳ.

2.1.5. Sự khác biệt giữa quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách và quỹ tài chính ngân sách nhà nước

Thứ nhất, tính chất sử dụng riêng biệt.

Thứ hai, Cơ chế hoạt động của các quỹ TCNN ngoài NS chịu sự điều chỉnh, kiểm tra ít hơn từ phía các tổ chức chính quyền nhà nước.

Thứ ba, NSNN chủ yếu phục vụ cho các mục tiêu ổn định, thường xuyên, lâu dài của Nhà nước trong khi tính ổn định của các quỹ TCNN lại thấp hơn.

2.1.6. Phân loại quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách

- *Xét theo phân cấp quản lý*
- *Xét theo nguồn tài chính của quỹ*

2.2. QUẢN LÝ CÁC QUỸ TÀI CHÍNH NHÀ NƯỚC NGOÀI NGÂN SÁCH

2.2.1. Khái niệm quản lý các quỹ TCNN ngoài ngân sách

Quản lý quỹ TCNN ngoài NS là quá trình Nhà nước sử dụng hệ thống các công cụ, phương thức thích hợp tác động đến hệ thống các quỹ TCNN ngoài NS làm cho chúng vận động phù hợp với yêu cầu khách quan của nền KT - XH, nhằm phục vụ tốt nhất cho việc thực hiện các chức năng được Nhà nước giao phó.

2.2.2. Sự cần thiết của quản lý nhà nước với các quỹ TCNN ngoài NS

Một là, các quỹ TCNN ngoài NS ra đời với ý nghĩa là bảo đảm nguồn lực tài chính phục vụ cho Nhà nước hoàn thành những nhiệm vụ có tính cấp bách hay có tính chuyên biệt.

Hai là, sự giới hạn về nguồn lực tài chính công quốc gia.

Ba là, sự biến động trong đời sống kinh tế - chính trị - xã hội của quốc gia.

Bốn là, nguy cơ thất thoát, lãng phí nguồn lực tài chính trong quá trình vận hành các quỹ TCNN ngoài NS.

2.2.3. Nguyên tắc quản lý các quỹ TCNN ngoài NS

Một là, Nguyên tắc công bằng.

Hai là, Nguyên tắc minh bạch.

Ba là, Nguyên tắc hiệu quả.

2.2.4. Nội dung quản lý các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách

2.2.4.1. Quản lý thành lập quỹ TCNN ngoài NS

Điều kiện để thành lập một quỹ TCNN ngoài NS sẽ bao gồm: (i) Mục đích thành lập quỹ rõ ràng, thỏa đáng; (ii) Không trùng lặp về nhiệm vụ; (iii) Độc lập về tài chính.

2.2.4.2. Quản lý vận hành quỹ TCNN ngoài NS

Quản lý việc vận hành các quỹ TCNN ngoài NS là việc các cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, đánh giá hiệu quả hoạt động của quỹ theo các tiêu chí. Quản lý vận hành quỹ TCNN ngoài NS là quá trình sử dụng các công cụ quản lý để tác động vào quá trình khai thác nguồn lực từ quỹ TCNN ngoài NS để thực thi các nhiệm vụ mà quỹ được giao phó. Cụ thể hơn là quá trình thiết kế cơ chế tài chính cho quá trình hoạt động của quỹ, xác định các nguyên tắc, trình tự và thủ tục trong quá trình quản lý và sử dụng quỹ.

2.2.4.3. Quản lý sắp xếp lại các quỹ TCNN ngoài NS

Quản lý rà soát, sắp xếp quỹ TCNN ngoài NS là quá trình phân loại

các quỹ TCNN ngoài NS theo các tiêu chí phù hợp nhằm rà soát để giữ lại, loại bỏ hoặc sáp nhập các quỹ TCNN ngoài NS sao cho phù hợp với mục đích quản lý của Nhà nước.

2.2.5. Công cụ quản lý các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách

Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật; Kế toán và hệ thống báo cáo; Kiểm tra và thanh tra

2.2.6. Mục tiêu quản lý các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách

Thứ nhất, quản lý các quỹ TCNN ngoài NS nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của các quỹ.

Thứ hai, quản lý các quỹ TCNN ngoài NS nhằm bảo đảm thực thi hiệu quả các chính sách KT - XH của Nhà nước.

Thứ ba, quản lý các quỹ TCNN ngoài NS nhằm phân bổ nguồn lực tài chính công một cách phù hợp.

2.2.7. Yếu tố ảnh hưởng tới quản lý quỹ TCNN ngoài NS

Nhóm các yếu tố chủ quan

Thứ nhất, bộ máy lãnh đạo quỹ TCNN ngoài NS. Nghiên cứu của Kendie [56] chỉ ra rằng bộ máy lãnh đạo có ảnh hưởng tới quá trình quản lý tài chính của một tổ chức công.

Thứ hai, đội ngũ cán bộ, viên chức quản lý quỹ TCNN ngoài NSNN. Trình độ chuyên môn và đạo đức của đội ngũ cán bộ, công chức quản lý quỹ TCNN ngoài NS có ảnh hưởng lớn tới hoạt động này. Nghiên cứu của Diamond và Khemani [47] nhấn mạnh nhu cầu về các chuyên gia có kỹ năng trong quản lý nguồn nhân lực để bảo đảm quản trị hiệu quả.

Thứ ba, sự minh bạch trong quản lý quỹ TCNN ngoài NS là một trong những yêu cầu quan trọng trong quản lý nhà nước nói chung và quản lý các quỹ TCNN ngoài NS nói riêng. Nghiên cứu của Natision và cộng sự [66] đã chỉ ra rằng sự minh bạch có tác động tới quản lý tài chính công của quốc gia.

Thứ tư, cơ sở hạ tầng CNTT phục vụ quản lý TCNN ngoài NSNN. Nghiên cứu của Karanja & Nganga [54] và Kimwele [57] chỉ ra rằng cơ sở hạ tầng CNTT có ảnh hưởng tới quản lý tài chính công quốc gia, là điều kiện cần thiết để hiện đại hóa và minh bạch hóa quy trình quản lý các quỹ.

Nhóm các yếu tố chủ quan

Thứ nhất, nguồn lực tài chính của quốc gia. Trên thực tế, nguồn lực tài chính cho quá trình hoạt động của các quỹ TCNN ngoài NS chủ yếu đến từ NSNN. Nguồn lực tài chính quốc gia có hùng mạnh thì mới có khả

năng huy động vào NSNN phong phú, giúp tài trợ cho các quỹ. Giới hạn về nguồn lực tài sẽ tạo ra rào cản khiến cho các quỹ không đủ nguồn tài chính hoạt động. (Kawesha & Kabwe [55]).

Thứ hai, chính sách tài chính công của quốc gia. Nghiên cứu của Allen, Hemming & Potter [43] đã chỉ ra rằng một quốc gia có khuôn khổ thể chế chính sách chặt chẽ mạnh mẽ sẽ có khả năng quản lý tài chính công tốt hơn.

2.3. KINH NGHIỆM VỀ QUẢN LÝ QUỸ TÀI CHÍNH NHÀ NƯỚC NGOÀI NGÂN SÁCH Ở MỘT SỐ QUỐC GIA VÀ BÀI HỌC RÚT RA CHO VIỆT NAM

2.3.1. Kinh nghiệm về quản lý quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách nhà nước ở một số quốc gia: Hàn Quốc, Nga, Ấn Độ và Trung Quốc.

2.3.2. Bài học kinh nghiệm rút ra cho Việt Nam

Một là: hình thành khuôn khổ pháp lý thống nhất để quản lý các quỹ ngoài ngân sách ở cấp độ Luật hoặc Nghị định, trong đó quy định cụ thể từ lĩnh vực được lập quỹ, thẩm quyền thành lập, xác định loại hình tổ chức của quỹ, cơ chế quản lý, hoạt động nghiệp vụ, quản lý rủi ro và giám sát hoạt động của quỹ.

Hai là: hợp nhất dữ liệu các quỹ ngoài ngân sách với dữ liệu ngân sách trong báo cáo tài chính nhà nước, phù hợp với quan niệm và phân loại khu vực công. Điều này phục vụ phân tích tài khóa và tăng cường tính minh bạch trong quản lý tài chính công.

Ba là: kế hoạch tài chính của các quỹ ngoài ngân sách phải được tổng hợp và trình lên cơ quan có thẩm quyền. Giao dịch của những quỹ này được thực hiện qua tài khoản quỹ, mở tại Kho bạc nhà nước và phải tuân thủ các yêu cầu quy định thống nhất về kế toán, báo cáo, kiểm soát và kiểm toán nội bộ.

Bốn là: đẩy mạnh trao quyền tự chủ cùng với tăng cường trách nhiệm giải trình và kiểm tra, theo dõi, đánh giá của các cấp chính quyền về kết quả hoạt động của các quỹ TCNN ngoài NS.

Chương 3

THỰC TRẠNG QUẢN LÝ CÁC QUỸ TÀI CHÍNH NHÀ NƯỚC NGOÀI NGÂN SÁCH Ở VIỆT NAM

3.1. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ CÁC QUỸ TÀI CHÍNH NHÀ NƯỚC NGOÀI NGÂN SÁCH Ở VIỆT NAM

3.1.1. Mô hình tổ chức, hoạt động

Tính đến ngày 31/12/2024 ở cấp Trung ương, Việt Nam hiện đang có

21 quỹ TCNN ngoài NS. Mỗi quỹ đều có điều lệ hoạt động riêng do cơ quan có thẩm quyền ban hành. Quỹ TCNN ngoài NS thường được tổ chức gồm Hội đồng quản lý, Ban kiểm soát và cơ quan chuyên môn hoặc Ban giám đốc và bộ phận nghiệp vụ quỹ.

3.1.2. Cơ sở pháp lý cho hoạt động của các quỹ TCNN ngoài ngân sách

Quản lý các quỹ TCNN ngoài NS do Trung ương phụ trách ở Việt Nam đang chịu sự chi phối của một hệ thống văn bản quy phạm pháp luật phức tạp, nhiều tầng bậc. Thông thường quá trình hoạt động của một quỹ TCNN ngoài NS sẽ chịu sự định hướng, kiểm soát của một văn bản Luật do Quốc hội ban hành, một Nghị định do Chính phủ hoặc quyết định của Thủ tướng Chính phủ. Tiếp theo đó, quá trình vận hành quỹ sẽ chịu sự hướng dẫn liên quan đến cơ chế hoạt động và quản lý tài chính từ Bộ phụ trách và Bộ Tài chính.

3.1.3. Nguồn thu, nhiệm vụ chi của các quỹ TCNN ngoài NS

3.1.3.1. Nguồn thu của các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách

Hoạt động của các quỹ TCNN ngoài NS giai đoạn 2019 - 2024 cơ bản đáp ứng được yêu cầu, đúng với chủ trương của Đảng và Nhà nước trong việc huy động thêm nguồn lực tài chính trong xã hội để thực hiện những mục tiêu phát triển KT - XH, giảm bớt gánh nặng cho NSNN.

3.1.3.2. Nhiệm vụ chi của các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách

Giai đoạn 2019 - 2024, Chính phủ đã bắt đầu tiến hành việc rà soát, sắp xếp lại các quỹ TCNN ngoài NS ở cấp Trung ương một cách quyết liệt hơn, số quỹ giảm xuống, đồng thời hoạt động của các quỹ cũng được hướng dẫn cụ thể, chi tiết hơn. Việc này giúp nâng cao tính minh bạch trong quá trình khai thác nguồn lợi tài chính công từ các quỹ và hỗ trợ tiết kiệm chi từ các quỹ hơn.

3.2. THỰC TRẠNG QUẢN LÝ CÁC QUỸ TÀI CHÍNH NHÀ NƯỚC NGOÀI NGÂN SÁCH Ở VIỆT NAM

3.2.1. Quản lý thành lập các quỹ TCNN ngoài NS

Tất cả các quỹ TCNN ngoài NS do Trung ương quản lý không có quy định chung về thẩm quyền thành lập cho từng nhóm quỹ mà mỗi quỹ có quy định riêng về thẩm quyền thành lập và có sự khác biệt về tầng pháp lý. Trên thực tế thì mỗi quỹ TCNN ngoài NS thường có một Nghị định của Chính phủ hoặc một Thông tư của Bộ quy định về cơ chế hoạt động, cơ cấu tổ chức, chức năng nhiệm vụ. Điều đó khiến cho số lượng văn bản quy phạm pháp luật về quỹ TCNN ngoài NS rất lớn, khoảng trên 100 văn bản quy phạm pháp luật quy định về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, cơ chế tài chính, quản lý và sử dụng các quỹ TCNN ngoài NS.

3.2.2. Quản lý vận hành các quỹ TCNN ngoài NS

3.2.2.1. Tổ chức hoạt động của các quỹ

(1) Mô hình tổ chức hoạt động của các quỹ

Hiện tại, các quỹ TCNN ngoài NS của Việt Nam đang được tổ chức theo một số mô hình như sau: (i) Mô hình kiêm nhiệm được quản lý bởi cơ quan nhà nước, đơn vị, tổ chức có hoạt động hỗ trợ của NSNN. (ii) Mô hình đơn vị sự nghiệp công lập. (iii) Mô hình công ty TNHH một thành viên.

(2) Nguyên tắc quản lý tài chính của các quỹ

Quy định chung về nguyên tắc quản lý tài chính các quỹ TCNN ngoài NS là các quỹ phải công khai tình hình huy động, quản lý, sử dụng quỹ và báo cáo tình hình thực hiện công khai tài chính theo quy định. Việc huy động, quản lý và sử dụng quỹ phải bảo đảm đúng mục đích, có hiệu quả theo đúng chế độ quản lý tài chính hiện hành của Nhà nước và những quy định riêng với từng quỹ.

(3) Hướng dẫn về lập, chấp hành, quyết toán ngân sách của quỹ

Các quỹ TCNN ngoài NS đều có quy định về lập, chấp hành và quyết toán quỹ và được quy định trên cơ sở đặc điểm, tính chất hoạt động từng quỹ. Một số quỹ có quy trình lập, chấp hành và quyết toán được lồng ghép với quy trình NSNN theo quy định của Luật NSNN. Một số quỹ có quy trình lập, chấp hành và quyết toán không lồng ghép với quy trình lập, chấp hành và quyết toán NSNN và được tổ chức riêng.

(4) Yêu cầu về kế toán, báo cáo

Các quỹ TCNN ngoài NS phải đáp ứng các yêu cầu về chế độ kế toán, báo cáo đối với hoạt động tài chính của các quỹ. Chế độ kế toán được lựa chọn áp dụng cho từng quỹ trên cơ sở phù hợp với mô hình tổ chức, đặc điểm hoạt động của từng quỹ.

(5) Kiểm tra, thanh tra, giám sát

Hầu hết các quỹ TCNN ngoài NS do Trung ương quản lý đều chịu sự kiểm tra thường xuyên của cơ quan chủ quản và Bộ Tài chính về tổ chức hoạt động và tình hình thu, chi tài chính thông qua chế độ báo cáo định kỳ. Ngoài ra, các quỹ TCNN ngoài NS còn chịu sự kiểm tra đột xuất, thanh tra của cơ quan chủ quản và Bộ Tài chính trong trường hợp cần thiết.

3.2.2.2. Hoạt động của các quỹ

Trong luận án này, nghiên cứu sinh sẽ phân tích hoạt động của các quỹ TCNN ngoài NS theo 5 nhóm quỹ. Mỗi nhóm quỹ sẽ được trình bày chi tiết về tình hình thu - chi ngân sách, các nhiệm vụ thực hiện trong giai đoạn 2019-2024.

3.2.3. Quản lý sắp xếp lại các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách

Việc rà soát, sắp xếp lại các quỹ TCNN ngoài NS được thực hiện dựa trên các căn cứ pháp lý gồm: Khoản 19 Điều 4, Luật NSNN 2015; Nghị quyết số 792/NQ-UBTVQH14 ngày 22/10/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Nghị quyết số 23/2021/QH15 ngày 28/7/2021 của Quốc hội; Văn bản số 20/VPCP-KTTH ngày 02/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ.

3.3. MÔ HÌNH CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG TỚI QUẢN LÝ CÁC QUỸ TÀI CHÍNH NHÀ NƯỚC NGOÀI NGÂN SÁCH TẠI VIỆT NAM

3.3.1. Thiết kế mô hình nghiên cứu

Dựa trên cơ sở lý luận về các yếu tố ảnh hưởng tới quản lý các quỹ TCNN ngoài NS đã đề cập ở chương 2 (Kawesha & Kabwe [55]), nghiên cứu sinh đề xuất mô hình nghiên cứu.

3.3.2. Dữ liệu nghiên cứu

Nghiên cứu sinh đã tiến hành điều tra khảo sát qua bảng hỏi, tiếp cận 186 cán bộ, công chức làm việc tại các Bộ và các quỹ TCNN ngoài NS do trung ương quản lý. Bảng hỏi được thiết kế dựa trên thang đo Likert với 5 mức giá trị, nhằm thu thập ý kiến đánh giá của các cán bộ, công chức về các yếu tố ảnh hưởng tới quản lý các quỹ TCNN ngoài NSN tại Việt Nam hiện nay.

3.3.3. Kết quả phân tích

3.3.3.1. Kiểm định thang đo

Để đánh giá thang đo của từng biến độc lập trong mô hình đánh giá ảnh hưởng của các yếu tố tới quản lý các quỹ TCNN ngoài NS thuộc cấp chính quyền trung ương ở Việt Nam, nghiên cứu sinh sử dụng phân tích Cronbach's Alpha. Kết quả kiểm định thang đo của các biến trong mô hình cho thấy tất cả các biến quan sát đều có hệ số Cronbach's Alpha $\geq 0,6$ đạt yêu cầu về độ tin cậy và là thang đo tốt.

3.3.3.2. Phân tích EFA

Trong phân tích nhân tố khám phá EFA, hệ số KMO (Kaiser-Meyer-Olkin) nằm trong khoảng từ 0,5 đến 1 cho thấy các nhân tố được phân tích là phù hợp.

Kiểm định Bartlett (Bartlett's test of Sphericity) có ý nghĩa thống kê sig Bartlett's test < 0.05 , chứng tỏ các biến quan sát có tương quan với nhau trong nhân tố. Hệ số ma trận xoay của các biến trong mô hình đều thỏa mãn giá trị lớn hơn 0.

3.3.3.3. Phân tích hồi quy

Phân tích hồi quy sẽ xác định mối quan hệ nhân quả giữa biến phụ thuộc (quản lý các quỹ TCNN ngoài NS) với các biến độc lập (bộ máy lãnh đạo, chính sách tài chính công của quốc gia, đội ngũ cán bộ, công chức; sự minh bạch; cơ sở hạ tầng CNTT; nguồn lực tài chính quốc gia).

Mô hình hồi quy sẽ cho biết mức độ tác động của các yếu tố tới quản lý các quỹ TCNN ngoài NS do CQTW quản lý ở Việt Nam.

Giá trị R^2 hiệu chỉnh bằng 0.441 cho thấy biến độc lập đưa vào chạy hồi quy ảnh hưởng 44,1% sự thay đổi của biến phụ thuộc, còn lại 55,9% là do các biến ngoài mô hình và sai số ngẫu nhiên.

Nghiên cứu sinh sử dụng kiểm định F để kiểm định sự phù hợp của mô hình. Theo bảng kiểm định ANOVA cho thấy sig của kiểm định $F = 0.000 < 0.05$, như vậy mô hình hồi quy có ý nghĩa. Phương trình hồi quy chuẩn hóa được biểu diễn như sau:

$$Y = 0,346MB + 0,161CSCNTT + 0,263NLTC + 0,370BMLĐ + 0,205CSTCC + 0,257CBCC$$

Các hệ số hồi quy đều lớn hơn 0, như vậy tất cả các biến độc lập đưa vào phân tích hồi quy đều có tác động cùng chiều đến biến phụ thuộc. Dựa vào độ lớn của hệ số hồi quy chuẩn hóa Beta (Standardized Coefficients Beta), thứ tự mức độ tác động từ mạnh nhất tới yếu nhất của các biến độc lập tới biến phụ thuộc là: bộ máy lãnh đạo (tỷ trọng 37%); minh bạch (tỷ trọng 34,6%); năng lực tài chính quốc gia (tỷ trọng 26,3%); đội ngũ cán bộ công chức (tỷ trọng 25,7%); chính sách tài chính công của quốc gia (tỷ trọng 20,5%) và cơ sở hạ tầng CNTT (16,1%). Nhìn chung, ảnh hưởng của sáu yếu tố đến quản lý các quỹ TCNN ngoài NS ở cấp CQTW không quá khác biệt với nhau.

3.4. ĐÁNH GIÁ QUẢN LÝ CÁC QUỸ TÀI CHÍNH NHÀ NƯỚC NGOÀI NGÂN SÁCH TẠI VIỆT NAM

3.4.1. Những kết quả đạt được

Về quản lý thành lập các quỹ TCNN ngoài NS

Quản lý thành lập các quỹ TCNN ngoài NS cơ bản đã đáp ứng kịp thời yêu cầu huy động và phân bổ nguồn lực tài chính phục vụ các hoạt động quản lý thuộc trách nhiệm của Nhà nước, thực hiện các mục tiêu phát triển KT - XH của cả nước. Hệ thống cơ sở pháp lý cơ bản cho việc thành lập và hoạt động của từng quỹ TCNN ngoài NS tại cấp Trung ương tương đối đa dạng và linh hoạt, đúng như đặc trưng của quỹ TCNN ngoài NS.

Về quản lý vận hành các quỹ TCNN ngoài NS

Quản lý vận hành các quỹ TCNN ngoài NS đã có những đóng góp tích cực đối với quá trình phát triển KT - XH cũng như hỗ trợ tốt cho nhiệm vụ quản lý của Nhà nước. Mặc dù hiệu quả quản lý và sử dụng các quỹ còn chưa được cao như mong đợi song không thể phủ nhận rằng các quỹ đã huy động được những nguồn lực rất lớn trong xã hội, giải quyết được nhiều vấn đề cấp thiết trong xã hội, hỗ trợ tốt NSNN trong việc thực hiện các chương trình, mục tiêu phát triển KT - XH của Nhà nước.

Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn về quá trình hoạt động của các quỹ cũng đã được xây dựng khá chi tiết. Các văn bản quy phạm pháp luật đã ghi nhận và bảo đảm thực hiện được một số nguyên tắc cũng như mục tiêu quan trọng trong việc quản lý và sử dụng quỹ. Chẳng hạn như nguyên tắc hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận; nguyên tắc những quỹ có chức năng dự trữ tuyệt đối không được cho vay; quy định những đối tượng được thụ hưởng, chi trả hoặc cho vay nguồn vốn từ các quỹ...

Về quản lý rà soát, sắp xếp các quỹ TCNN ngoài NS

Quản lý rà soát, sắp xếp các quỹ TCNN ngoài NS của Việt Nam trong giai đoạn vừa qua đã có nhiều khởi sắc. Ở cấp Trung ương, đã có 6 quỹ TCNN ngoài NS giải thể. Bên cạnh đó, Chính phủ đã tiến hành hoàn thiện cơ sở pháp lý về thành lập, hoạt động, xây dựng dự thảo đề xuất bãi bỏ nhiệm vụ chi trùng với nhiệm vụ chi của NSNN; bổ sung nhiệm vụ và sửa đổi quy định pháp lý quy định chế độ tài chính đối với một số quỹ.

3.4.2. Những hạn chế

Về quản lý thành lập các quỹ TCNN ngoài NS

Việc hình thành quá nhiều quỹ có nguy cơ dẫn đến phân tán, quản lý lỏng lẻo, tiêu cực, tham nhũng. Trên góc độ quản lý và giám sát của Nhà nước, cần thiết phải kiểm soát quá trình hình thành, phân phối và sử dụng quỹ, phân loại quỹ để xây dựng những cơ chế quản lý chung. Ngoài ra, cần bổ sung những quy định mang tính pháp lý dựa trên một số nguyên tắc cơ bản nhằm quản lý thống nhất nền tài chính quốc gia, tránh tùy tiện, lạm dụng thành lập quỹ.

Về quản lý vận hành các quỹ TCNN ngoài NS

Việc chi tiêu của quỹ TCNN ngoài NS thường không xác định tiêu chuẩn, định mức như chi tiêu quỹ NSNN. Một số quỹ chưa được phân định rõ ràng nguồn thu, nhiệm vụ chi, chưa phù hợp với quy định của pháp luật.

Mục tiêu hoạt động của một số quỹ chưa rõ ràng, còn chồng lấn và thiếu hiệu quả, thiếu minh bạch, gây lãng phí nguồn lực. Chức năng hoạt động của một số quỹ còn chồng chéo nước với quỹ NSNN như việc nhiều khoản thu, chi của nhiều quỹ trùng lặp với danh mục thu, chi của NSNN.

Việc phát triển quá nhanh của quỹ nếu không kiểm soát chặt chẽ sẽ dẫn đến tình trạng lạm thu, vượt quá khả năng của doanh nghiệp và người dân. Một số quỹ hoạt động không thực hiện được nhiệm vụ đề ra, chưa huy động được sự tham gia đóng góp từ các nguồn lực ngoài NSNN trong xã hội.

Về quản lý rà soát, sắp xếp các quỹ TCNN ngoài NS

Mặc dù đã có căn cứ pháp lý để thực hiện sắp xếp nhưng số lượng các quỹ được rà soát, sắp xếp lại và tổ chức lại qua 2 năm thực hiện Nghị quyết 792/NQ-UBTVQH14 mới dừng ở con số 3 khiêm tốn. Qua đó cho thấy tình hình rà soát, sắp xếp các quỹ TCNN ngoài NS còn chậm. Bên cạnh việc rà soát và sắp xếp lại các quỹ, một số quỹ mới vẫn tiếp tục được thành lập, nâng tổng số quỹ TCNN ngoài NS do Trung ương quản lý hiện nay vẫn là 22 quỹ. Như vậy, về số lượng là không giảm và không thể hiện rõ tinh thần sắp xếp lại các quỹ TCNN ngoài NS.

3.4.3. Nguyên nhân của hạn chế

3.3.3.1. Nguyên nhân chủ quan

Thứ nhất, Nhà nước chưa xây dựng một văn bản pháp luật cụ thể, thống nhất, toàn diện quy định về thẩm quyền thành lập cũng như các điều kiện, tiêu chuẩn cho việc thành lập các quỹ.

Thứ hai, bộ máy lãnh đạo của các quỹ TCNN ngoài NS được tổ chức còn chưa thống nhất.

Thứ ba, chính sách tài chính công của Việt Nam chưa đưa ra đường hướng cụ thể cho quá trình hoạt động của các quỹ TCNN ngoài NS.

Thứ tư, sự minh bạch trong quản lý các quỹ TCNN ngoài NS do trung ương quản lý ở Việt Nam còn hạn chế.

Thứ tư, còn thiếu các quy định về trách nhiệm và các biện pháp xử lý vi phạm đối với chủ thể quản lý, sử dụng quỹ không đúng mục đích, không hiệu quả, gây thất thoát tài sản, đặc biệt là trách nhiệm bồi thường của chủ thể quản lý quỹ khi gây ra những thiệt hại.

Thứ năm, việc sắp xếp chưa được thực hiện một cách quyết liệt, do đó không rõ ràng về lộ trình sắp xếp lại các quỹ.

3.3.3.2. Nguyên nhân khách quan

Thứ nhất, giai đoạn 2019-2024 đầy biến động với tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp và sự bất ổn định kinh tế toàn cầu dẫn đến nhiều khó khăn trong quản lý tài chính công của nhiều quốc gia trên thế giới, trong đó có Việt Nam. Vì vậy, việc quản lý các quỹ TCNN ngoài NS cũng bị ảnh hưởng nhiều, kém hiệu quả hơn.

Thứ hai, nguồn lực tài chính công của Việt Nam còn hạn chế. Mặc dù trong nhiều năm gần đây, Việt Nam được đánh giá là một trong những quốc gia có tốc độ tăng trưởng kinh tế cao trên thế giới nhưng thu NSNN chỉ chiếm một tỷ trọng khiêm tốn trong tổng GDP quốc gia.

Thứ ba, cơ sở hạ tầng CNTT phục vụ hoạt động quản lý công nói chung và quản lý các quỹ TCNN ngoài NS nói chung vẫn chưa được hoàn thiện.

Chương 4

GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN QUẢN LÝ CÁC QUỸ TÀI CHÍNH NHÀ NƯỚC NGOÀI NGÂN SÁCH

4.1. QUAN ĐIỂM, ĐỊNH HƯỚNG HOÀN THIỆN QUẢN LÝ CÁC QUỸ TÀI CHÍNH NHÀ NƯỚC NGOÀI NGÂN SÁCH

4.1.1. Quan điểm hoàn thiện quản lý các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách

Một là, nâng cao hiệu quả của các quỹ TCNN ngoài NS vẫn còn đang được duy trì hoạt động. Các quỹ này sẽ vẫn tiếp tục tồn tại để thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế, giải quyết các vấn đề xã hội, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người nghèo, đối tượng yếu thế trong xã hội: Sớm kiện toàn tổ chức bộ máy, bảo đảm đủ nguồn lực để quỹ thực hiện tốt hơn nhiệm vụ được giao.

Hai là, đẩy mạnh sắp xếp lại các quỹ TCNN ngoài NS có nhiệm vụ trùng lặp với NSNN hay quỹ TCNN ngoài NS khác. Đối với các quỹ có mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ trùng lặp, nhất là các quỹ đầu tư có tính chất sinh lời: xây dựng phương án chuyển đổi mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ để phát huy hiệu quả, trình cấp có thẩm quyền quyết định. Đối với các quỹ hoạt động không đúng tôn chỉ, mục đích hoặc hoạt động không hiệu quả, các quỹ đã hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ được giao: kiên quyết cho dừng hoạt động, giải thể.

Ba là, chỉ thành lập quỹ mới trong trường hợp thật cần thiết và đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.

Bốn là, tăng cường giám sát, thanh tra, kiểm tra hoạt động và việc chấp hành pháp luật về quản lý, sử dụng các quỹ TCNN ngoài NS, bảo đảm nguồn lực tài chính nhà nước được quản lý, sử dụng hiệu quả, công khai, minh bạch.

Năm là, kiện toàn hệ thống tổ chức bộ máy quản lý quỹ TCNN ngoài NS, thường xuyên nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ, công chức quản lý quỹ.

4.1.2. Định hướng hoàn thiện quản lý các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách

Giai đoạn từ nay đến năm 2027: Giai đoạn này nên được định hướng tập trung vào quá trình hoàn thiện khuôn khổ pháp lý về quản lý các quỹ TCNN ngoài NS.

Giai đoạn từ năm 2027 đến 2030: Căn cứ trên cơ sở pháp lý chung, các cơ quan thuộc cấp chính quyền trung ương cần rà soát, kiểm tra hoạt động của từng quỹ do mình được giao nhiệm vụ phụ trách để phát hiện các quỹ đã không còn phù hợp với nhu cầu của quốc gia và các quỹ có hoạt động trùng lặp với quỹ khác hay với NSNN; tiến hành các thủ tục sáp nhập hoặc giải thể. Tiếp theo, dựa theo các nhu cầu mới phát sinh của quốc gia, một số quỹ TCNN ngoài NS mới có thể được thành lập khi đáp ứng đủ các tiêu chí về điều kiện thành lập quỹ.

Giai đoạn từ năm 2030 trở đi:

(1) Hiện đại hóa các hoạt động của quỹ, tập trung sử dụng, ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động, quản lý tín dụng, quản lý rủi ro, giám sát...

(2) Đào tạo, bồi dưỡng xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao cho các quỹ; tập trung nguồn lực tài chính, đa dạng hóa các kênh huy động vốn của quỹ để tăng tính hiệu quả trong triển khai thực hiện các nhiệm vụ do Nhà nước giao.

(3) Tiếp tục tăng cường quản lý, giám sát, phân công rõ trách nhiệm, quyền hạn của từng cấp trong quản lý hoạt động các quỹ.

4.1.3. Bối cảnh kinh tế - xã hội thế giới và trong nước

4.1.3.1. Bối cảnh thế giới hiện tại và triển vọng đến năm 2030

Trong giai đoạn hiện tại và đến năm 2030, thế giới tiếp tục vận động trong một bối cảnh đầy biến động, đan xen giữa cơ hội và thách thức sâu sắc. Sau đại dịch COVID-19, kinh tế toàn cầu phục hồi không đồng đều. Trong khi các nước phát triển có khả năng phục hồi nhanh nhờ năng lực tài chính và y tế thì các nước đang phát triển tiếp tục đối mặt với nhiều khó khăn như nợ công tăng cao, thiếu hụt nguồn lực và tình trạng bất bình đẳng ngày càng sâu sắc. Lạm phát gia tăng trong giai đoạn 2021 - 2023 do đứt gãy chuỗi cung ứng, chiến sự Nga - Ukraine cùng với các chính sách tiền tệ thắt chặt ở nhiều nền kinh tế lớn khiến nguy cơ suy thoái và bất ổn vĩ mô tiếp tục hiện hữu đến năm 2025.

Căng thẳng địa chính trị tiếp tục gia tăng đặc biệt giữa các cường quốc như Mỹ - Trung - Nga - EU. Xu hướng "tự chủ chiến lược" đang hình thành rõ nét. Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư tiếp tục phát triển

manh mẽ với các công nghệ chủ chốt như trí tuệ nhân tạo (AI), blockchain, Internet vạn vật (IoT), tự động hóa, điện toán đám mây và công nghệ sinh học. Đặc biệt, AI đang tạo ra những thay đổi mang tính đột phá trong sản xuất, dịch vụ, giáo dục, y tế và quản trị. Giai đoạn 2025 - 2030 được dự báo là thời kỳ tăng tốc số hóa toàn diện, đặt ra yêu cầu đổi mới mạnh mẽ cả về thể chế, nhân lực và hạ tầng số.

Thế giới đang đối mặt với thách thức ngày càng lớn từ biến đổi khí hậu, thiên tai khắc nghiệt và sự suy giảm tài nguyên. Các hiện tượng thời tiết cực đoan xảy ra thường xuyên hơn, đặt ra yêu cầu cấp bách về thích ứng khí hậu và tăng trưởng xanh. Các quốc gia đã cam kết mạnh mẽ hơn trong việc giảm phát thải ròng về 0 (Net Zero), đẩy nhanh chuyển đổi năng lượng tái tạo, điện khí hóa giao thông và thúc đẩy tài chính khí hậu. Xu hướng kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, ESG (Môi trường - Xã hội - Quản trị) và đầu tư bền vững được xem là nền tảng phát triển trong giai đoạn tới.

Nhiều hiệp định và sáng kiến đang định hình lại cấu trúc hợp tác quốc tế. Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực (RCEP), các cam kết tại COP, cũng như sáng kiến về “Chuỗi cung ứng bền vững”, “Liên minh vì Khí hậu” giữa các cường quốc là những dấu mốc quan trọng tạo tiền đề cho liên kết kinh tế và hợp tác phát triển trong một thế giới nhiều bất định.

4.1.3.2. Bối cảnh trong nước hiện tại và tầm nhìn đến năm 2030

Việt Nam đang trong quá trình chuyển mình mạnh mẽ để vừa phục hồi kinh tế sau đại dịch COVID-19 vừa thực hiện các chiến lược phát triển mang tính dài hạn, bền vững và thích ứng với bối cảnh thế giới đang biến động sâu sắc. Trong trung hạn (2025 - 2030), Việt Nam đặt mục tiêu hướng tới tăng trưởng kinh tế ở mức 2 con số trong một số năm, đặc biệt khi tận dụng hiệu quả các động lực mới như đầu tư công, chuyển đổi số, phát triển công nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp thông minh và tăng trưởng xanh.

Một trong những trọng tâm cải cách hành chính hiện nay là xây dựng mô hình chính quyền địa phương hai cấp (tỉnh và xã), thông qua việc bỏ cấp trung gian huyện và sáp nhập các đơn vị hành chính cấp xã. Chính phủ cũng tiếp tục đẩy mạnh cải cách tổ chức bộ máy các cơ quan quản lý nhà nước, kết thúc nhiệm vụ hoặc sáp nhập các đơn vị từ Trung ương đến địa phương, cắt giảm tầng nấc trung gian, góp phần tinh gọn bộ máy, giảm chi ngân sách và nâng cao hiệu quả quản lý, điều hành.

Việt Nam đang tích cực triển khai các chính sách chuyển đổi năng lượng, thúc đẩy đầu tư vào điện gió, điện mặt trời, hydrogen và hệ thống lưới điện thông minh. Kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn và chiến lược tăng trưởng bền vững gắn với bảo vệ môi trường và thích ứng biến đổi khí hậu trở thành trụ cột trong chính sách phát triển.

Thị trường tài chính và bất động sản giai đoạn 2021 - 2024 trải qua nhiều biến động do rủi ro trái phiếu doanh nghiệp, nợ xấu gia tăng và niềm tin của nhà đầu tư suy giảm. Trong thời gian tới, các chính sách sẽ tập trung vào tăng cường giám sát, nâng cao minh bạch, hoàn thiện thể chế thị trường vốn đồng thời đẩy nhanh số hóa hệ thống tài chính, ngân hàng để hỗ trợ phục hồi sản xuất và tiêu dùng.

4.2. GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN QUẢN LÝ CÁC QUỸ TÀI CHÍNH NHÀ NƯỚC NGOÀI NGÂN SÁCH

4.2.1. Giải pháp hoàn thiện quản lý thành lập quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách

Việc xây dựng Luật Quản lý các quỹ TCNN ngoài NS nhằm bảo đảm tính thống nhất và minh bạch trong quản lý tài chính công. Luật Quản lý các quỹ TCNN ngoài NS sẽ cần tập trung làm rõ các quy định về thẩm quyền thành lập quỹ, điều kiện thành lập quỹ, các nguyên tắc thiết yếu trong quản lý tài chính và các quy định chung về kế toán, báo cáo, công khai, giám sát, cũng như các quy định về thẩm quyền giải thể quỹ TCNN ngoài NS.

Tiếp theo, Luật sẽ cần quy định rõ ràng, cụ thể về việc tất cả các quỹ TCNN ngoài NS phải đáp ứng yêu cầu quản lý tài chính - ngân sách, chịu sự giám sát của Quốc hội, Hội đồng Nhân dân nhằm giảm tác động tiêu cực của các quỹ TCNN ngoài NS đến NSNN.

4.2.2. Giải pháp hoàn thiện quản lý vận hành quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách

4.2.2.1. Xây dựng mô hình tổ chức quỹ TCNN ngoài NS thống nhất

Mô hình tổ chức quỹ TCNN ngoài NS là cơ sở để xác định mô hình tổ chức, cơ chế quản lý, công tác nhân sự... Thực tế hiện nay, quỹ TCNN ngoài NS được tổ chức theo các mô hình khác nhau như: đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp đặc thù, tổ chức tài chính... Như vậy, thống nhất về mô hình tổ chức quỹ nhằm xác lập hệ thống quy định pháp luật điều chỉnh thống nhất cơ chế tổ chức và hoạt động của các quỹ TCNN ngoài NS.

Thứ nhất, nếu lựa chọn thống nhất mô hình tổ chức quỹ TCNN ngoài NS theo mô hình đơn vị sự nghiệp công lập thì quy trình và thủ tục thành

lập quỹ TCNN ngoài NS cần tuân thủ theo trình tự, thủ tục của đơn vị sự nghiệp công lập. Theo mô hình này, quỹ sẽ trực thuộc một bộ chủ quản. Cần thống nhất cơ cấu tổ chức của quỹ gồm có: Hội đồng quản lý, Ban giám đốc và bộ máy giúp việc. Người làm việc trong các quỹ, nhất là các vị trí quản lý hầu hết là công chức, viên chức được cơ quan quản lý phân công công tác.

Thứ hai, nếu xác định quỹ TCNN ngoài NS là một doanh nghiệp thì có thể sửa đổi các quy định hiện hành của các quỹ để bảo đảm tính thống nhất trong cơ cấu tổ chức, cơ chế hoạt động, nhất là cần có quy định về chế độ, chính sách đối với viên chức được phân công làm việc tại các quỹ. Cơ cấu tổ chức của quỹ sẽ thực hiện theo các quy định của Luật Doanh nghiệp đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên.

Thứ ba, trong trường hợp xác định quỹ TCNN ngoài NS là loại hình tổ chức đặc thù, không hoàn toàn là doanh nghiệp hay đơn vị sự nghiệp công lập thì đòi hỏi cơ quan quản lý nhà nước cần phải xây dựng khung pháp lý phù hợp cho sự tồn tại và hoạt động của quỹ.

4.2.2.2. Tăng cường công tác quản trị, điều hành, quản trị rủi ro của các quỹ TCNN ngoài NS

Cần kiện toàn hệ thống tổ chức bộ máy quản lý quỹ TCNN ngoài NS, thường xuyên nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ, công chức. Nghiên cứu tách dần các quỹ TCNN ngoài NS ra khỏi các bộ, ngành, tổ chức chính trị - xã hội chuyên quản để hình thành nên quỹ TCNN chuyên biệt, độc lập. Đề xuất phải có chính sách và công cụ quản lý rủi ro hợp nhất.

4.2.2.3. Nâng cao tự chủ tài chính đối với các quỹ TCNN ngoài NS

Thứ nhất, hoàn thiện hệ thống cơ sở pháp lý đầy đủ cho hoạt động quản lý các quỹ TCNN ngoài NS.

Thứ hai, tăng cường hiệu quả các hoạt động cho vay, đầu tư của quỹ TCNN ngoài NS. Tăng cường tính minh bạch và trách nhiệm giải trình trong quá trình sử dụng của các quỹ. Quy định cụ thể về trách nhiệm của chủ thể quản lý trong trường hợp quản lý, sử dụng quỹ không đúng mục đích, kém hiệu quả, gây thất thoát tài sản của quỹ. Xây dựng hệ thống kiểm soát, kiểm toán nội bộ phục vụ công tác quản lý quỹ một cách chặt chẽ nhằm giảm thiểu rủi ro, nâng cao hiệu quả đầu tư, cho vay giống như mô hình kinh tế tư nhân giúp ngăn chặn, hạn chế tối đa những kế hoạch không hiệu quả.

Thứ ba, thắt chặt quản lý các nguồn thu mang tính chất bắt buộc chống thất thoát, lãng phí.

Thứ tư, linh hoạt trong khai thác các khoản thu mang tính chất tự nguyện.

4.2.2.4. Tăng cường công tác quản lý, giám sát, thanh tra, kiểm tra đối với các quỹ TCNN ngoài NS

Tăng cường giám sát, thanh tra và kiểm tra hoạt động của các quỹ TCNN ngoài NS; bảo đảm quản lý, sử dụng có hiệu quả, công khai, minh bạch nguồn lực tài chính nhà nước. Đồng thời, kiến nghị tăng cường giám sát của Quốc hội, Hội đồng Nhân dân, công tác thanh tra, kiểm toán trong việc chấp hành pháp luật về quản lý và sử dụng các quỹ; thực hiện nghiêm chế độ công khai toàn diện, rộng rãi hoạt động của các quỹ TCNN ngoài NS; xử lý nghiêm các vi phạm theo quy định của pháp luật.

Nâng cao hiệu quả giám sát nội bộ của quỹ. Đổi mới, nâng cao năng lực hoạt động của Kiểm soát viên, Trưởng ban kiểm soát trong việc giám sát hoạt động của quỹ TCNN ngoài NS, kịp thời kiến nghị với Ban điều hành những vấn đề liên quan đến hoạt động của quỹ. Thực hiện tốt việc công khai hóa hoạt động và kết quả kiểm tra, giám sát của quỹ tới các cơ quan chủ quản, các cấp chính quyền.

Đào tạo, xây dựng, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, am hiểu pháp luật, phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, công tâm, khách quan cho kiểm soát viên và các cán bộ có trách nhiệm kiểm tra, giám sát của quỹ.

4.2.3. Giải pháp hoàn thiện sắp xếp lại các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách

Bước 1: Quy định rõ về mức độ và thứ tự ưu tiên đối với việc thành lập hoặc duy trì tồn tại quỹ TCNN ngoài NS.

Bước 2: Sáp nhập và dừng hoạt động một số quỹ.

(1) Sáp nhập Quỹ Bảo hộ công dân Việt Nam ở nước ngoài vào NSNN:

(2) Sáp nhập nhóm các Quỹ Quốc gia giải quyết việc làm, Quỹ Hỗ trợ phụ nữ nghèo, Quỹ Hỗ trợ nông dân vào Ngân hàng Chính sách xã hội:

(3) Giải thể một số quỹ: Quỹ Hỗ trợ người nhiễm HIV; Quỹ Phòng, chống tác hại của thuốc lá; Quỹ Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa và Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp.

KẾT LUẬN

Trong những năm vừa qua, hệ thống các quỹ TCNN ngoài NS tại Việt Nam đã phát triển tương đối mạnh mẽ và đa dạng, với sự hình thành của nhiều loại quỹ phục vụ các mục tiêu phát triển KT - XH. Sự phát triển của các quỹ này đã góp phần quan trọng vào việc huy động và phân bổ nguồn lực tài chính công ngoài phạm vi NSNN, tạo cơ chế tài chính linh hoạt để hỗ trợ các chương trình mục tiêu, chính sách an sinh xã hội, đổi mới công nghệ và phát triển bền vững.

Tuy nhiên, bên cạnh những đóng góp tích cực, một vấn đề nổi cộm hiện nay là cơ chế quản lý và giám sát hoạt động của các quỹ TCNN ngoài NS vẫn còn nhiều bất cập, chưa được xây dựng đồng bộ và toàn diện.

Trên cơ sở phân tích cơ sở lý luận và thực trạng hoạt động quản lý các quỹ TCNN ngoài NS ở Việt Nam, nghiên cứu sinh đã xây dựng hệ thống quan điểm và định hướng nhằm từng bước hoàn thiện công tác này trong giai đoạn tiếp theo. Trong đó, quan điểm xuyên suốt là cần thiết lập một cơ chế quản lý thống nhất, đồng thời bảo đảm tính tự chủ, linh hoạt nhưng vẫn phải gắn với trách nhiệm giải trình, minh bạch và chịu sự giám sát chặt chẽ của các cơ quan có thẩm quyền. Từ định hướng đó, nghiên cứu sinh đề xuất các nhóm giải pháp toàn diện, bao gồm cả về pháp lý, tổ chức bộ máy, tài chính, công nghệ và truyền thông.

Luận án xây dựng giải pháp hoàn thiện quản lý các quỹ TCNN ngoài NS dựa trên ba nội dung quản lý. Giải pháp đầu tiên là hoàn thiện quản lý thành lập các quỹ TCNN ngoài NS. Theo đó, Việt Nam cần tập trung vào hoàn thiện khuôn khổ pháp lý điều chỉnh cơ sở, điều kiện thành lập các quỹ TCNN ngoài NS. Tiếp theo, trong giải pháp hoàn thiện quản lý vận hành các quỹ TCNN ngoài NS, nghiên cứu sinh chỉ ra cần xác định rõ địa vị pháp lý, cơ chế tài chính, cơ cấu tổ chức, quy trình hoạt động và cơ chế giám sát đối với từng loại quỹ; nâng cao hiệu quả hoạt động tài chính của các quỹ, bao gồm đẩy mạnh hiệu quả tín dụng, khả năng huy động và sử dụng vốn, cũng như phát triển các nguồn lực tài chính bền vững cho từng loại quỹ; kiện toàn bộ máy điều hành, nâng cao năng lực quản lý, tăng cường đào tạo nguồn nhân lực có chuyên môn, đạo đức và tư duy đổi mới. Bên cạnh đó, nghiên cứu cũng nhấn mạnh sự cần thiết phải tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra và kiểm toán đối với hoạt động của các quỹ; đồng thời đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin nhằm hiện đại

hóa công tác quản lý, tăng cường kết nối dữ liệu giữa các cơ quan chức năng và bảo đảm khả năng theo dõi, đánh giá kịp thời. Cuối cùng, công tác truyền thông và nâng cao nhận thức cộng đồng về vai trò, chức năng và chính sách của các quỹ TCNN ngoài NS cũng cần được chú trọng, nhằm tạo sự đồng thuận xã hội và khuyến khích sự tham gia của các bên liên quan.

Tổng thể, việc hoàn thiện quản lý các quỹ TCNN ngoài NS ở Việt Nam là yêu cầu cấp thiết, không chỉ nhằm phát huy tối đa vai trò của các quỹ trong phát triển KT - XH, mà còn góp phần hoàn thiện thể chế tài chính công hiện đại, minh bạch và bền vững trong bối cảnh nước ta đang hội nhập sâu rộng và đối mặt với nhiều thách thức mới trong thời kỳ phát triển.

DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ
LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1. Nguyễn Đăng Hải (2024), “Thực trạng pháp luật về quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách”, *Tạp chí Tài chính*, (Kỳ 1 tháng 4/2024. 822), tr.38-40.
2. Nguyễn Đăng Hải (2024), “Hoạt động của các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách: Một số vấn đề đặt ra và đề xuất giải pháp”, *Tạp chí Kinh tế và Dự báo*, (Số 12 tháng 6/2024), tr.195-198.
3. Nguyễn Đăng Hải (2024), “Hoàn thiện chính sách pháp luật về quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách”, *Tạp chí Kinh tế và Dự báo*, (Số 13 tháng 7/2024), tr.23-25.